

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

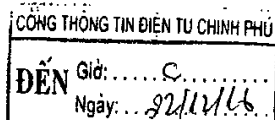
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2016/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 16 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; Định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 302/TTr-STC ngày 24/11/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 để xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể áp dụng trong các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

b) Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này tương ứng với giá từng loại đất quy định trong Bảng giá các loại đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tại Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, định giá đất cụ thể.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017:

a) Đất nông nghiệp:

Hệ số điều chỉnh giá đất = 1,0 lần giá đất tại Phụ biểu 01 kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành bảng giá các loại đất 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Đất phi nông nghiệp:

Đất ở (Nông thôn, đô thị) có 2.903 vị trí trong Bảng giá đất 5 năm (2015-2019):

- 2.860 vị trí giá đất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 = 1,0 lần.

- 43 vị trí còn lại:

+ 35 vị trí có hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 > 1 lần, trong đó có 16 vị trí giữ nguyên hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 đã được UBND tỉnh phê duyệt, 19 vị trí có hệ số điều chỉnh mới.

+ 08 vị trí có hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 < 1 lần.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn: Hệ số điều chỉnh giá đất = 1,0 lần.

Đất sản xuất kinh doanh tại nông thôn: Hệ số điều chỉnh giá đất = 1,0 lần;

Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Hệ số điều chỉnh giá đất = 1,0 lần.

Đất sản xuất kinh doanh đô thị: Hệ số điều chỉnh giá đất = 1,0 lần.

Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ (đất sông, suối để khai thác cát, sỏi):
Hệ số điều chỉnh giá đất = 1,0 lần.

c) Đất các khu, cụm công nghiệp tại các huyện, thành, thị: Hệ số điều chỉnh giá đất = 1,0 lần giá đất tại Phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành bảng giá các loại đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Cục thuế tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Những nội dung khác liên quan đến việc thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền thuê đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và các Văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất ý kiến thông qua Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất với UBND tỉnh kịp thời, xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các trường hợp đã áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ để thực hiện nghĩa vụ tài chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng và không điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

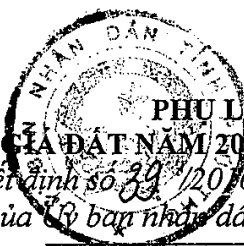
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh (02b);
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, KTTH2 (H.150b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

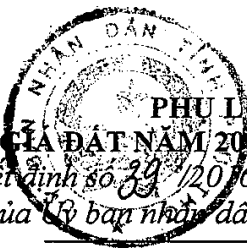


Bùi Minh Châu



PHỤ LỤC
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Kèm theo Quyết định số 39 /2016/QĐ-UBND ngày 16 /12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Vị trí trong bảng giá đất 05 năm (2015- 2019)	Tên huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017	Ghi chú
I		Thành phố Việt Trì		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	V	XÃ HY CƯƠNG		
1	14	Đoạn từ đường Lạc Hồng (Quốc lộ 32C cũ) đi làng Chằm	1,25	
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	XI	PHƯỜNG NÔNG TRẠNG		
	3	Khu phố 1B		
2		Đường khu 1B (đoạn từ đường Quang Trung đến hết nhà ông Thuyết trường khu cũ)	1,33	
	6	Khu phố 3		
3		Đường tiếp giáp đường 20/7 (đường Vũ Duệ) đi qua băng 2 đường Nguyễn Du (cả hai bên đường) ra đường sắt đến đường rẽ khu 5	1,67	
II		Thị xã Phú Thọ		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	I	XÃ VĂN LUNG		
4	5	Đất từ Chùa Thắng Sơn đi đường TL315B;	4	
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	III	PHƯỜNG TRƯỜNG THỊNH		
	2	Đường Nguyễn Tất Thành		
5		Đoạn từ Kênh Phú Lợi đến Ga Phú Thọ	1,67	
III		Huyện Phù Ninh		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	2	Đất khu dân cư các xã miền núi		
6		Đất khu trung tâm các xã, khu vực chợ	1,09	
7		Đất hai bên đường liên thôn hoặc đường xã, đường huyện ở các khu vực trung tâm đồng dân cư	1,07	
	4	Đường tỉnh		



PHỤ LỤC
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Vị trí trong bảng giá đất 05 năm (2015- 2019)	Tên huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017	Ghi chú
I		Thành phố Việt Trì		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	V	XÃ HY CƯƠNG		
1	14	Đoạn từ đường Lạc Hồng (Quốc lộ 32C cũ) đi làng Chằm	1,25	
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	XI	PHƯỜNG NÔNG TRANG		
	3	Khu phố 1B		
2		Đường khu 1B (đoạn từ đường Quang Trung đến hết nhà ông Thuyết trường khu cũ)	1,33	
	6	Khu phố 3		
3		Đường tiếp giáp đường 20/7 (đường Vũ Duệ) đi qua băng 2 đường Nguyễn Du (cả hai bên đường) ra đường sắt đến đường rẽ khu 5	1,67	
II		Thị xã Phú Thọ		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	I	XÃ VĂN LUNG		
4	5	Đất từ Chùa Thắng Sơn đi đường TL315B;	4	
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	III	PHƯỜNG TRƯỜNG THỊNH		
	2	Đường Nguyễn Tất Thành		
5		Đoạn từ Kênh Phú Lợi đến Ga Phú Thọ	1,67	
III		Huyện Phù Ninh		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	2	Đất khu dân cư các xã miền núi		
6		Đất khu trung tâm các xã, khu vực chợ	1,09	
7		Đất hai bên đường liên thôn hoặc đường xã, đường huyện ở các khu vực trung tâm đông dân cư	1,07	
	4	Đường tỉnh		

16

STT	Vị trí trong bảng giá đất 05 năm (2015- 2019)	Tên huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017	Ghi chú
		Đường tỉnh 323C từ giáp Quốc lộ II đi Phà Then		
8	*	Đất 2 bên đường từ giáp Quốc lộ II đến quán nhà ông Tầm giáp đường bê tông rẽ vào UBND xã Phú Ninh	1,2	
9	*	Đất 2 bên đường từ quán nhà ông Tầm đến cách ngã ba chợ An Đạo 50 m	1,25	
10	*	Đất 2 bên đường khu vực ngã ba chợ An Đạo cách ngã ba chợ An Đạo 50m về phía Phú Ninh đến cách đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200m về phía Từ Đà	1,2	
11	*	Đất 2 bên đường từ cách đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200m đến phà Then, điều chỉnh (phân đoạn) như sau:		
	-	Đoạn từ nhà ông Ngón Nghiệp khu 1, xã Bình Bộ đến hết tường rào cụm công nghiệp Từ Đà, xã Từ Đà	1,88	
	-	Phần còn lại	1,2	
	5	Các đường khác		
12		Đất hai bên đường từ giáp nhà Bà Khải đến Ngã ba Phú Lộc, Phú Nham, Gia Thanh	1,5	
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	2	Đường khác		
13		Đường trục chính các khu Mã Thượng, Đồng Giao, Núi Trang, Bái Thơi, Đường Nam Núi Miếu, Tầm Vông (rải nhựa có đèn đường) và đường trục chính các khu khác	1,25	
IV		Huyện Đuan Hùng		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	II	Đất hai bên đường tỉnh lộ		
	9	Đất khu dân cư nông thôn xác định theo địa giới hành chính		
	*	Đất hai bên đường liên xã (thuộc khu Trung tâm, khu Chợ, khu đông dân cư), điều chỉnh (phân đoạn) như sau:		
14	-	Đoạn đường đi qua các xã: Phú Thứ, Đại Nghĩa, Hữu Đô	1,2	
15	-	Đoạn đường đi qua Cụm công nghiệp làng nghề Sóc Đăng nối từ Quốc lộ 2 đến tỉnh lộ 323 (Đường chiến thắng Sông Lô)	1,2	
16	-	Đất hai bên đường liên xã còn lại (Đoạn đường đi qua các xã: Phú Thứ, Đại Nghĩa, Hữu Đô);	1,2	
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
17	16	Từ nhà bà Minh Hoàn đến Cầu Sông Lô	1,5	
V		Huyện Cẩm Khê		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	V	Đất ven đường huyện lộ Hương Lung - Văn Bán (TL 313B cũ) từ ngã 3 xã Hương Lung đi Văn Bán		
18	3	Đoạn từ ngã ba trung tâm xã Cấp Dẫn đến hết nhà ông Trương Phụng thuộc xã Văn Bán	1,05	

STT	Vị trí trong bảng giá đất 05 năm (2015- 2019)	Tên huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017	Ghi chú
VI		Huyện Thanh Ba		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
		Xã Đồng Xuân		
19	9	Đất 2 bên đường huyện tuyến ngã 3 Cây Thị đi Tây Cốc, đoạn từ giáp nhà công nhà ông Thọ đến hết cổng Cửa Mường xã Đồng Xuân	0,89	
20	10	Đất 2 bên đường huyện tuyến ngã 3 Cây Thị đi Tây Cốc, đoạn từ hết đất cổng Cửa Mường xã Đồng Xuân khu 8 xã Đồng Xuân đến nhà Ông Cấn xã Thanh Vân	0,75	
		Xã Ninh Dân.		
21	3	Đất hai bên đường TL 314 đoạn từ Nhà Nghỉ ông Mão Thủy đến hết đất Ninh Dân giáp danh xã Yên Nội.	0,67	
22	6	Đoạn từ cổng chính nhà máy xi măng Sông Thao đến giáp ranh với thị trấn Thanh Ba.	0,6	
		Xã Yên Nội		
23		Đoạn từ Ngã ba đường rẽ đi Chí Tiên đến đường tỉnh lộ 314 cũ ;mức giá quy định trong bảng giá đất 1.500.000 đ/m ² ; mức giá đề nghị: 1.000.000 đ/m ² ; hệ số đề nghị điều chỉnh = 0,67 lần	0,67	
		Xã Vũ Yên		
24	6	Đất 2 bên đường liên thôn của xã	1,22	
25	7	Đất các khu vực còn lại thuộc của xã;	1,19	
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
26	11	Đất 2 bên đường tuyến tỉnh lộ 314, đoạn từ cây xăng số 12 đến hết ranh giới thị trấn Thanh Ba;	0,85	
VII		Huyện Thanh Thủy		
	B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	III	CÁC TRỤC ĐƯỜNG		
27	8	Đất hai bên đường từ sau nhà ông Thành Hà đến nhà ông Sinh Thông gặp nhà ông Phúc khu 6		
		Đoạn từ đất nhà ông Thành Hà đến hết đất Nhà văn hóa khu 5, thị trấn Thanh Thủy	1,25	
		Đoạn từ giáp Nhà văn hóa khu 5 đến nhà ông Sinh Thông (hết địa phận thị trấn Thanh Thủy).	1,08	
		Phần còn lại vị trí trên	1	
28	15	Đất hai bên đường từ giáp trạm bơm tiêu đến chân đồi ô rô (Khu 1 - 2, thị trấn Thanh Thủy)	1,25	
		Đất hai bên đường ven phố từ đường rẽ vào nhà hàng Dừng râu (Bưu điện huyện) đến hết đất Trung tâm Văn hóa thể thao và du lịch Thanh Thủy		
29	3	Điều chỉnh đoạn: Đất hai bên đường từ ngã ba (trạm thuế) đến hết đất nhà ông Minh Xuân.	1,15	

STT	Vị trí trong bảng giá đất 05 năm (2015- 2019)	Tên huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017	Ghi chú
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	V	Đất hai bên đường Tỉnh 317		
30	5	Đất hai bên đường từ giáp xã Đoan Hạ đến đường rẽ vào nhà ông Thảo khu 7, xã Đồng Luận (thuộc địa phận xã Đồng Luận) - tuyến đường Tỉnh 317	1,26	
	XI	Đất hai bên đường LX: 1B từ Xã Hoàng Xá đi Trung Thịnh		
21	3	Đất hai bên đường từ giáp nhà Ông Liên đến địa phận xã Hoàng Xá	1,25	
32		Đất hai bên đường giáp ranh từ Hoàng Xá đến ngã ba Hầm (địa phận xã Trung Thịnh) - thuộc Đường liên xã 1B từ Hoàng Xá đi Trung Thịnh	1,32	
VIII		Huyện Tam Nông		
	I	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	A	VEN ĐƯỜNG QUỐC LỘ		
	1	Đường 32 (từ đầu cầu Trung Hà đến địa giới Tam Nông-Thanh Sơn)		
33		Đất một bên đường QL 32 (phía trái) từ địa giới thị trấn Hưng Hóa - xã Hương Nộn đến giáp đất ông Trương Bảo (đầu đê Tam Thanh). Vị trí cụ thể:		
	-	Điều chỉnh đoạn: Đất một bên đường Quốc lộ 32 (phía trái) từ hết công làng xã Hương Nộn đến đất nhà ông Chính Sắc (Phần còn lại vị trí trên hệ số 1,0)	1,17	
	B	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (THỊ TRẤN HUNG HÓA)		
34		Đất hai bên đường tỉnh 316B từ giáp trường THCS Hưng Hóa đến hết đất Viện Kiểm sát.	1,11	
35		Đất hai bên đường huyện lộ số 77 từ điểm nối với huyện lộ số 78 đến UBND thị trấn Hưng Hóa (đường nội thị).	1,67	
36		Đất hai bên đường từ điểm nối với huyện lộ số 10 đến điểm nối tỉnh lộ 316 (Rừng chẽ)	1,33	
IX		Huyện Thanh Sơn		
	A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	2	Xã Sơn Hùng		
	2.2	Đất hai bên đường liên xã		
37	*	Đất hai bên đường từ trạm Y tế xã đến Trường Tiểu học,	2,35	
38	*	Đất hai bên đường từ giáp Trường Tiểu học đến xã Thục Luyện		
		Điều chỉnh đoạn từ Cầu 30/4 đến giáp Trường Tiểu học. (Phần còn lại vị trí trên hệ số bằng 1,0 lần).	2,66	
	19	Xã Yên Lãng		
	19.2	Đường liên xã		

18

STT	Vị trí trong bảng giá đất 05 năm (2015- 2019)	Tên huyện, thành, thị	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017	Ghi chú
39		Đoạn từ ngã ba Đốc Đồ đến giáp đất xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, đường liên xã, xã Yên Lãng	1,25	
	10	Xã Yên Sơn		
	20.3	Đất hai bên đường liên xã		
40		Đất hai bên đường liên xã, xã Yên Sơn, đoạn từ Liên Chung đi Kết Bình, từ đường 316 đi khu Trại Yên, Từ hộ nhà ông Toàn (Liên Chung) đến ngã ba khu Chen,	1,25	
X		Huyện Tân Sơn		
		Xã Tân Phú		
41	*	Đất trong khu dân cư nông thôn khu 2A; 2B; 5; 8; 9; 10		
		Điều chỉnh Đất 2 bên ven đường 11,5m phía giáp Trung tâm hội nghị huyện, Công an huyện và đường 9,5m phía giáp trung tâm hội nghị và thị hành án dân sự huyện ; Phần còn lại vị trí trên hệ số 1,0 lần	1,70	
42	*	Đất 2 ven đường QL 32 giáp xã Mỹ Thuận đến cầu Voi		
		Đoạn đất 2 ven đường quốc lộ 32 từ nhà ông Khai Hà đến cầu Voi . Phần còn lại vị trí trên hệ số 1,0 lần.	0,68	
43	*	Đoạn đất 2 ven đường quốc lộ 32 từ giáp Cầu Voi đến giáp xã Thạch Kiệt	0,55	